

Bản án số: **42/2021/KDTM-ST**

Ngày: 29/9/2021

*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Tiến Lợi

- Bà Nguyễn Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đắc Hùng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-DS ngày 17/7/2021 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 18/TB-TA ngày 14/9/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần KT; địa chỉ: Số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hồ Hùng Anh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Phạm Viết Thái, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Văn bản ủy quyền số 162-3/2020/UQ-TCB ngày 13/3/2020). Có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1960 - Là đại diện hộ kinh doanh “*Nguyễn Văn Long*”.

2. Bà **Nguyễn Thị Thu**, sinh năm 1966;

Đều cư trú tại: Tổ 02, khu Chiến Thắng, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cụ Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1930. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Xóm Thầy, thôn Phương Bảng, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 29/3/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần KT, Chi nhánh Hà Tây, Phòng giao dịch Xuân Mai (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam là Ngân hàng) ký “*Hợp đồng tín dụng*” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông L) vay 748.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh - siêu linh hoạt; thời hạn vay 84 tháng; lãi suất kể từ ngày giải ngân đến ngày 03/7/2013 là 14,99%/năm, lãi suất trong thời gian tiếp theo được điều chỉnh 01 tháng/01 lần bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 4,50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển sang nợ quá hạn; tiền gốc, tiền lãi trả hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông L toàn bộ 748.000.000 đồng bằng “*Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ*” số 916 ngày 03/4/2013.

Ngày 23/01/2014, hai bên ký kết bản “*Bổ sung Hợp đồng tín dụng*” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI điều chỉnh lãi suất vay, theo đó lãi suất cho vay áp dụng từ ngày 23/01/2014 đến ngày 14/02/2014 là 15,24%, lãi suất trong thời gian tiếp theo được điều chỉnh 01 tháng/01 lần bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 5,25%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 693, tờ bản đồ số 01, diện tích 104m<sup>2</sup>, địa chỉ: Xóm Thầy, Phương Bảng, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 286132, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số H 01361, do Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu ngày 12/12/2008. Ngày 16/3/2013, hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu tặng cho ông Nguyễn Văn L theo Hợp đồng tặng cho số 150, công chứng tại Văn phòng công chứng Quang Trung. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hoài Đức cập nhật sang tên cho ông Nguyễn Văn L trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/3/2013. Việc thế chấp thực hiện theo “*Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba*” công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội số 0117.2013/HĐTC-TCB ngày 01/4/2013 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn L, bên nhận thế chấp là Ngân hàng thương mại cổ phần KT Việt Nam, Chi nhánh Hà Tây, Phòng giao dịch Xuân Mai, bên được bảo đảm là vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ngày 02/4/2013. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Quá trình thực hiện, vợ chồng ông L đã trả được 8.905.000 đồng tiền gốc và 77.563.505 đồng tiền lãi. Do vợ chồng ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ sang nợ quá hạn theo quy định và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tính đến hết ngày 29/9/2021, vợ chồng ông L còn nợ Ngân hàng **1.785.275.654**, trong đó nợ gốc 739.095.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 452.079.561 đồng; lãi quá hạn 594.101.093 đồng.

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông L phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/9/2021 nêu trên; kể từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc, vợ chồng ông L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận. Trường hợp vợ chồng ông L không thanh toán được khoản nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu được không đủ để trả khoản nợ thì vợ chồng ông L phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại.

**Bà Nguyễn Thị Thu trình bày:** Thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, bản bổ sung hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ, hợp đồng thế chấp tài sản; thừa nhận số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa thanh toán như Ngân hàng trình bày là đúng. Do điều kiện khó khăn nên

đề nghị Ngân hàng giảm lãi và đồng ý trả cho Ngân hàng tổng cộng một khoản bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi là 1.200.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L và cụ Nguyễn Thị Hòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn L và cụ Nguyễn Thị Hòa không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Tại “*Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ*” ngày 29/4/2021 thể hiện:

Tài sản thế chấp hiện do cụ Nguyễn Thị Hòa đang sử dụng và quản lý, không cho ai thuê mượn hay ở nhờ. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4 lợp mái ngói; 01 sân bê tông; 06 cây bưởi. Từ khi thế chấp cho đến nay, gia đình không xây dựng thêm gì.

- **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Thu cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự khác không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Long, bà Nguyễn Thị Thu và cụ Nguyễn Thị Hòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu và cụ Nguyễn Thị Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn; chấp nhận yêu cầu được đề nghị xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. **Về tố tụng:** Vợ chồng ông L vay vốn của Ngân hàng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh “*Nguyễn Văn L*” do ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật. Nay tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Căn cứ các điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trước khi mở phiên tòa, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu và cụ Nguyễn Thị Hòa đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định

hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu và cụ Nguyễn Thị Hòa.

**- Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:**

***[1]. Về yêu cầu buộc vợ chồng ông L thanh toán khoản nợ tính đến hết ngày 29/9/2021 và tiếp tục chịu tiền lãi kể từ ngày 30/9/2021:***

*- Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi:*

Thỏa thuận của các bên về số tiền vay, lãi suất vay, nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi trong “Hợp đồng tín dụng” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 29/3/2013, “Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ” số 916 ngày 03/4/2013 và bản “Bổ sung Hợp đồng tín dụng” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 23/01/2014 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Các chứng từ về số tiền giải ngân, số tiền đã thanh toán; số tiền gốc, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán do Ngân hàng cung cấp là chính xác, bà Nguyễn Thị Thu cũng thừa nhận. Ông Nguyễn Văn L đã được thông báo, nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với nội dung yêu cầu của Ngân hàng về việc thanh toán khoản nợ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông Long phải thanh toán trả Ngân hàng khoản nợ tính đến hết ngày 29/9/2021 là **1.785.275.654**, trong đó nợ gốc 739.095.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 452.079.561 đồng; lãi quá hạn 594.101.093 đồng.

*- Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 30/9/2021:*

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng và thỏa thuận của các đương sự trong “Hợp đồng tín dụng” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 29/3/2013, “Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ” số 916 ngày 03/4/2013 và bản “Bổ sung Hợp đồng tín dụng” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 23/01/2014 thì yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Do vậy, kể từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, vợ chồng ông L còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 29/3/2013, “Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ” số 916 ngày

03/4/2013 và bản “*Bổ sung Hợp đồng tín dụng*” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 23/01/2014.

**[2]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:**

Việc ký kết “*Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba*” công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội số 0117.2013/HĐTC-TCB ngày 01/4/2013 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn L, cụ Nguyễn Thị Hòa đã được thông báo, nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với nội dung yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị được xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ trong trường hợp vợ chồng ông L không thanh toán được khoản nợ. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của vợ chồng ông L cho Ngân hàng.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các điều 147, 157, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 412, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KT đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi quá hạn theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 29/3/2013, “*Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ*” số 916 ngày 03/4/2013 và bản “*Bổ sung Hợp đồng tín dụng*” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 23/01/2014. Cụ thể:

- Buộc vợ chồng Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/9/2021 gồm các khoản sau:

- + Tiền gốc: 739.095.000 đồng;
- + Tiền lãi trong hạn: 452.079.561 đồng
- + Tiền lãi quá hạn: 594.101.093 đồng;

Tổng cộng: **1.785.275.654 đồng** (*Một tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng*).

- Kể từ ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 29/3/2013, “*Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ*” số 916 ngày 03/4/2013 và bản “*Bổ sung Hợp đồng tín dụng*” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 23/01/2014.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần KT về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Cụ thể:

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu không thanh toán được khoản nợ tính đến hết ngày 29/9/2021 và khoản lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 30/9/2021 nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần KT có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo “*Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba*” công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Đô, thành phố Hà Nội số 0117.2013/HĐTC-TCB ngày 01/4/2013.

Tài sản thế chấp được phát mại để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số trên thửa đất số 693, tờ bản đồ số 01, diện tích 104m<sup>2</sup>, địa chỉ: Xóm Thày, Phường Bàng, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 286132, vào sổ cấp GCN: H 01361 do Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu. Ngày 16/3/2013, hộ ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu tặng cho ông Nguyễn Văn L theo Hợp đồng tặng cho số 150, công chứng tại Văn phòng công chứng Quang Trung, cập nhật thay đổi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/3/2013.

Phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến hết ngày 29/9/2021 và khoản lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 30/9/2021 nêu trên của vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 916/HĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 29/3/2013, “*Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ*” số 916 ngày 03/4/2013 và bản “*Bổ sung Hợp đồng tín dụng*” số 916/BSHĐTD-VAY MÓN HKD/TH-TN/TCB-HTY-XMI ngày 23/01/2014.

- Khi xử lý tài sản thế chấp thì tất cả những người đang sinh sống tại nhà, đất là tài sản thế chấp nêu trên phải di chuyển đi chỗ khác để thi hành án.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ của vợ chồng Nguyễn Văn Long, bà Nguyễn Thị Thu cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT thì vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT

- Trường hợp số tiền thu được có giá trị lớn hơn số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KT thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho ông Nguyễn Văn Long.

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần KT phải làm thủ tục giải chấp cho ông Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật.



4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5. Về án phí:**

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu phải nộp 65.558.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần KT 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010584 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Hưng**